

DANH SÁCH DỰ KIẾN CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG THẠC SĨ ĐỢT 4 NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHTM, ngày tháng năm của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

Hình thức đào tạo: Chính quy

| TT | Họ và tên học viên   | Mã CHV      | CMND/CCCD    | Nơi sinh    | Giới tính | Dân tộc | Quốc tịch | Ngày, tháng, năm sinh | Lớp          | Ngành đào tạo   | Chuyên ngành đào tạo | Quyết định thành lập hội đồng đánh giá luận văn/đề án tốt nghiệp | Ngày bảo vệ | Ghi chú |
|----|----------------------|-------------|--------------|-------------|-----------|---------|-----------|-----------------------|--------------|-----------------|----------------------|------------------------------------------------------------------|-------------|---------|
| 1  | Nguyễn Hữu Đạt       | 22BM0110091 | 001099003613 | Hà Nội      | Nam       |         | Việt Nam  | 04/03/1999            | CH28BQLKT.N1 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 800/QĐ-ĐHTM ngày 10/05/2024                                   | 13/06/2024  |         |
| 2  | Lê Thị Kim Hậu       | 22BM0110098 | 038199016532 | Thanh Hóa   | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 02/04/1999            | CH28BQLKT.N1 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 800/QĐ-ĐHTM ngày 10/05/2024                                   | 18/06/2024  |         |
| 3  | Nguyễn Quốc Sơn      | 22BM0110133 | 040087000483 | Nghệ An     | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 05/12/1987            | CH28BQLKT.N1 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 800/QĐ-ĐHTM ngày 10/05/2024                                   | 12/06/2024  |         |
| 4  | Vũ Tuấn Vũ           | 22BM0110156 |              | Hải Phòng   | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 18/05/2000            | CH28BQLKT.N1 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 800/QĐ-ĐHTM ngày 10/05/2024                                   | 06/06/2024  |         |
| 5  | Lê Đỗ Khánh Linh     | 22BM0110112 | 035199002297 | Hà Nam      | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 02/10/1999            | CH28BQLKT.N2 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 800/QĐ-ĐHTM ngày 10/05/2024                                   | 18/06/2024  |         |
| 6  | Hồ Quỳnh Mai         | 22BM0110041 | 025196006490 | Phú Thọ     | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 17/03/1996            | CH28BQLKT.N3 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 800/QĐ-ĐHTM ngày 10/05/2024                                   | 20/06/2024  |         |
| 7  | Lê Tuấn Anh          | 22BM0110003 | 008904010864 | Tuyên Quang | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 04/10/1994            | CH28BQLKT.N5 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 1995/QĐ-ĐHTM ngày 05/11/2024                                  | 22/11/2024  |         |
| 8  | Châu Thu Diệu        | 22BM0110007 | 008198000106 | Tuyên Quang | Nữ        | Tày     | Việt Nam  | 30/10/1998            | CH28BQLKT.N5 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 800/QĐ-ĐHTM ngày 10/05/2024                                   | 11/06/2024  |         |
| 9  | Lê Anh Duy           | 22BM0110011 | 008096005350 | Tuyên Quang | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 16/11/1996            | CH28BQLKT.N5 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 800/QĐ-ĐHTM ngày 10/05/2024                                   | 20/06/2024  |         |
| 10 | Nguyễn Văn Dũng      | 22BM0110010 | 025087001178 | Phú Thọ     | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 01/01/1987            | CH28BQLKT.N5 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 800/QĐ-ĐHTM ngày 10/05/2024                                   | 05/06/2024  |         |
| 11 | Trần Anh Đức         | 22BM0110015 | 008096000062 | Tuyên Quang | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 19/07/1996            | CH28BQLKT.N5 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 800/QĐ-ĐHTM ngày 10/05/2024                                   | 13/06/2024  |         |
| 12 | Trần Thị Minh Hạnh   | 22BM0110021 | 035196002593 | Hà nam      | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 03/06/1996            | CH28BQLKT.N5 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 800/QĐ-ĐHTM ngày 10/05/2024                                   | 20/06/2024  |         |
| 13 | Nguyễn Huy Hoàng     | 22BM0110026 | 008095003830 | Tuyên Quang | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 21/04/1995            | CH28BQLKT.N5 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 800/QĐ-ĐHTM ngày 10/05/2024                                   | 13/06/2024  |         |
| 14 | Nguyễn Trọng Nam     | 22BM0110042 | 008093001774 | Tuyên Quang | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 07/10/1993            | CH28BQLKT.N5 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 800/QĐ-ĐHTM ngày 10/05/2024                                   | 20/06/2024  |         |
| 15 | Trần Thị Phương Thảo | 22BM0110069 | 008195009740 | Tuyên Quang | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 13/04/1995            | CH28BQLKT.N5 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 800/QĐ-ĐHTM ngày 10/05/2024                                   | 18/06/2024  |         |
| 16 | Nguyễn Xuân Thắng    | 22BM0110071 | 014090000146 | Sơn La      | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 25/10/1990            | CH28BQLKT.N6 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 1995/QĐ-ĐHTM ngày 05/11/2024                                  | 26/11/2024  |         |

| TT | Họ và tên học viên    | Mã CHV      | CMND/CCCD    | Nơi sinh    | Giới tính | Dân tộc | Quốc tịch | Ngày, tháng, năm sinh | Lớp          | Ngành đào tạo       | Chuyên ngành đào tạo | Quyết định thành lập hội đồng đánh giá luận văn/đề án tốt nghiệp | Ngày bảo vệ | Ghi chú |
|----|-----------------------|-------------|--------------|-------------|-----------|---------|-----------|-----------------------|--------------|---------------------|----------------------|------------------------------------------------------------------|-------------|---------|
| 17 | Phạm Thị Thúy Hậu     | 23AM0110025 | 036196000133 | Nam Định    | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 08/11/1996            | CH29AQLKT.N1 | Quản lý kinh tế     | Quản lý kinh tế      | số 1995/QĐ-ĐHTM ngày 05/11/2024                                  | 24/11/2024  |         |
| 18 | Đỗ Thị Thu Hà         | 23BM0110021 | 010192007341 | Lào Cai     | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 03/07/1992            | CH29BQLKT.N1 | Quản lý kinh tế     | Quản lý kinh tế      | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 09/06/2025  |         |
| 19 | Nguyễn Thị Hồng Nhung | 23BM0110052 | 031194013113 | Hải Phòng   | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 09/08/1994            | CH29BQLKT.N1 | Quản lý kinh tế     | Quản lý kinh tế      | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 11/06/2025  |         |
| 20 | Triệu Thu Phương      | 23BM0301020 | 001193000061 | Hà Nội      | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 16/03/1993            | CH29BQLKT.N1 | Quản lý kinh tế     | Quản lý kinh tế      | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 11/06/2025  |         |
| 21 | Chu Văn Thương        | 23BM0110066 | 036091026621 | Ninh Bình   | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 10/11/1991            | CH29BQLKT.N1 | Quản lý kinh tế     | Quản lý kinh tế      | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 12/06/2025  |         |
| 22 | Nguyễn Thị Ngọc Hà    | 23BM0110086 | 132341457    | Phú Thọ     | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 21/09/1995            | CH29BQLKT.N2 | Quản lý kinh tế     | Quản lý kinh tế      | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 12/06/2025  |         |
| 23 | Nguyễn Thị Xuân Quỳnh | 23BM0110091 | 025191008484 | Phú Thọ     | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 10/09/1991            | CH29BQLKT.N2 | Quản lý kinh tế     | Quản lý kinh tế      | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 30/05/2025  |         |
| 24 | Cao Hồng Sơn          | 23BM0110092 | 025093010601 | Phú Thọ     | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 28/08/1993            | CH29BQLKT.N2 | Quản lý kinh tế     | Quản lý kinh tế      | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 31/05/2025  |         |
| 25 | Nguyễn Thị Thu Thủy   | 23BM0110094 | 025300006797 | Phú Thọ     | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 12/07/2000            | CH29BQLKT.N2 | Quản lý kinh tế     | Quản lý kinh tế      | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 30/05/2025  |         |
| 26 | Hà Quang Việt         | 23BM0110097 | 025089000168 | Phú Thọ     | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 02/08/1989            | CH29BQLKT.N2 | Quản lý kinh tế     | Quản lý kinh tế      | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 04/06/2025  |         |
| 27 | Trương Quốc Cường     | 23BM0110098 | 008098004543 | Tuyên Quang | Nam       | Sán Dìu | Việt Nam  | 31/12/1998            | CH29BQLKT.N5 | Quản lý kinh tế     | Quản lý kinh tế      | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 04/06/2025  |         |
| 28 | Nghiêm Thái Huyền     | 23BM0110105 | 012198002788 | Lai Châu    | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 04/09/1998            | CH29BQLKT.N5 | Quản lý kinh tế     | Quản lý kinh tế      | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 05/06/2025  |         |
| 29 | Đặng Thị Thu Hằng     | 22BM0101015 | 001195010917 | Hà Nội      | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 02/01/1995            | CH28BQTKD.N1 | Quản trị kinh doanh | Quản trị kinh doanh  | số 800/QĐ-ĐHTM ngày 10/05/2024                                   | 19/06/2024  |         |
| 30 | Phạm Thị Hoa          | 22BM0101018 | 038193004746 | Thanh Hóa   | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 20/07/1993            | CH28BQTKD.N1 | Quản trị kinh doanh | Quản trị kinh doanh  | số 800/QĐ-ĐHTM ngày 10/05/2024                                   | 20/06/2024  |         |
| 31 | Nguyễn Thị Huệ        | 22BM0101020 | 125593589    | Bắc Ninh    | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 13/02/1995            | CH28BQTKD.N1 | Quản trị kinh doanh | Quản trị kinh doanh  | số 800/QĐ-ĐHTM ngày 10/05/2024                                   | 14/06/2024  |         |
| 32 | Nguyễn Tiến Thành     | 22BM0101045 | 026090006957 | Vĩnh Phúc   | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 15/04/1990            | CH28BQTKD.N1 | Quản trị kinh doanh | Quản trị kinh doanh  | số 800/QĐ-ĐHTM ngày 10/05/2024                                   | 06/06/2024  |         |
| 33 | Đoàn Thùy Trang       | 22BM0101049 | 014185000011 | Sơn La      | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 15/04/1985            | CH28BQTKD.N1 | Quản trị kinh doanh | Quản trị kinh doanh  | số 800/QĐ-ĐHTM ngày 10/05/2024                                   | 07/06/2024  |         |
| 34 | Nguyễn Thị Xuyên      | 22BM0101054 | 030188006942 | Hải Dương   | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 17/07/1988            | CH28BQTKD.N1 | Quản trị kinh doanh | Quản trị kinh doanh  | số 800/QĐ-ĐHTM ngày 10/05/2024                                   | 19/06/2024  |         |
| 35 | Nguyễn Hải Anh        | 23BM0101005 | 001198002442 | Hà Nội      | Nữ        |         | Việt Nam  | 30/10/1998            | CH29BQTKD.N1 | Quản trị kinh doanh | Quản trị kinh doanh  | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 30/05/2025  |         |
| 36 | Võ Thị Thanh Nhân     | 23BM0101048 | 040194011302 | Nghệ An     | Nữ        |         | Việt Nam  | 15/05/1994            | CH29BQTKD.N1 | Quản trị kinh doanh | Quản trị kinh doanh  | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 07/06/2025  |         |

| TT | Họ và tên học viên   | Mã CHV      | CMND/CCCD    | Nơi sinh    | Giới tính | Dân tộc | Quốc tịch | Ngày, tháng, năm sinh | Lớp          | Ngành đào tạo         | Chuyên ngành đào tạo  | Quyết định thành lập hội đồng đánh giá luận văn/đề án tốt nghiệp | Ngày bảo vệ | Ghi chú |
|----|----------------------|-------------|--------------|-------------|-----------|---------|-----------|-----------------------|--------------|-----------------------|-----------------------|------------------------------------------------------------------|-------------|---------|
| 37 | Đỗ Trọng Hiếu        | 22BM0201013 | 024091000702 | Bắc Ninh    | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 06/12/1991            | CH28BTCNL.N4 | Tài chính – Ngân hàng | Tài chính – Ngân hàng | số 800/QĐ-ĐHTM ngày 10/05/2024                                   | 05/06/2024  |         |
| 38 | Ngô Thị Thu Quỳnh    | 22BM0201033 | 024195001527 | Bắc Ninh    | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 18/09/1995            | CH28BTCNL.N4 | Tài chính – Ngân hàng | Tài chính – Ngân hàng | số 800/QĐ-ĐHTM ngày 10/05/2024                                   | 20/06/2024  |         |
| 39 | Bùi Thanh Vân        | 22BM0201046 | 024196011605 | Bắc Ninh    | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 13/08/1996            | CH28BTCNL.N4 | Tài chính – Ngân hàng | Tài chính – Ngân hàng | số 800/QĐ-ĐHTM ngày 10/05/2024                                   | 11/06/2024  |         |
| 40 | Vũ Thị Huyền         | 23BM0201024 | 036186016259 | Ninh Bình   | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 02/12/1986            | CH29BTCNL.N1 | Tài chính – Ngân hàng | Tài chính – Ngân hàng | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 04/06/2025  |         |
| 41 | Phạm Đỗ Minh Phương  | 23BM0201039 | 033301007014 | Hung Yên    | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 10/02/2001            | CH29BTCNL.N1 | Tài chính – Ngân hàng | Tài chính – Ngân hàng | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 04/06/2025  |         |
| 42 | Nguyễn Việt Anh      | 22BM0301001 | 001188005449 | Hà Nội      | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 13/06/1988            | CH28BKT.N1   | Kế toán               | Kế toán               | số 800/QĐ-ĐHTM ngày 10/05/2024                                   | 04/06/2024  |         |
| 43 | Võ Thị Ngọc Ánh      | 22BM0301003 | 031300010709 | Hải phòng   | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 22/10/2000            | CH28BKT.N1   | Kế toán               | Kế toán               | số 800/QĐ-ĐHTM ngày 10/05/2024                                   | 11/06/2024  |         |
| 44 | Nguyễn Thị Hồng Vân  | 22BM0301022 | 020300008241 | Lạng Sơn    | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 12/02/2000            | CH28BKT.N1   | Kế toán               | Kế toán               | số 800/QĐ-ĐHTM ngày 10/05/2024                                   | 04/06/2024  |         |
| 45 | Vũ Thị Vân Anh       | 23AM0301003 | 001180023604 | Hà Nội      | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 08/01/1980            | CH29AKT.N1   | Kế toán               | Kế toán               | số 1995/QĐ-ĐHTM ngày 05/11/2024                                  | 24/11/2024  |         |
| 46 | Nguyễn Mai Phương    | 23AM0301016 | 040198010979 | Nghệ An     | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 02/07/1998            | CH29AKT.N1   | Kế toán               | Kế toán               | số 1995/QĐ-ĐHTM ngày 05/11/2024                                  | 30/11/2024  |         |
| 47 | Nguyễn Thị Thu Quyên | 23AM0301017 | 026183000038 | Vĩnh Phúc   | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 01/03/1983            | CH29AKT.N1   | Kế toán               | Kế toán               | số 1995/QĐ-ĐHTM ngày 05/11/2024                                  | 24/11/2024  |         |
| 48 | Phạm Thị Thanh Thủy  | 23AM0301018 | 022197000727 | Quảng Ninh  | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 02/09/1997            | CH29AKT.N1   | Kế toán               | Kế toán               | số 1995/QĐ-ĐHTM ngày 05/11/2024                                  | 24/11/2024  |         |
| 49 | Phùng Thu Trang      | 23AM0301019 | 001196017030 | Hà Nội      | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 12/11/1996            | CH29AKT.N1   | Kế toán               | Kế toán               | số 1995/QĐ-ĐHTM ngày 05/11/2024                                  | 24/11/2024  |         |
| 50 | Lê Thị Hương         | 23BM0301008 | 035194005347 | Ninh Bình   | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 08/10/1994            | CH29BKT.N1   | Kế toán               | Kế toán               | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 31/05/2025  |         |
| 51 | Nguyễn Thị Hoàn      | 22BM0404005 | 026181004700 | Vĩnh Phúc   | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 26/08/1981            | CH28BQTNL.N1 | Quản trị nhân lực     | Quản trị nhân lực     | số 800/QĐ-ĐHTM ngày 10/05/2024                                   | 04/06/2024  |         |
| 52 | Phan Hoàng Minh      | 22BM0404009 | 001200035446 | Hà Nội      | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 11/05/2000            | CH28BQTNL.N1 | Quản trị nhân lực     | Quản trị nhân lực     | số 800/QĐ-ĐHTM ngày 10/05/2024                                   | 04/06/2024  |         |
| 53 | Hoàng Nhật Tân       | 22BM0404013 | 001200007431 | Hà Nội      | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 12/11/2000            | CH28BQTNL.N1 | Quản trị nhân lực     | Quản trị nhân lực     | số 800/QĐ-ĐHTM ngày 10/05/2024                                   | 06/06/2024  |         |
| 54 | Nguyễn Thị Ánh Tuyết | 22BM0404014 | 001199009942 | Hà Nội      | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 11/12/1999            | CH28BQTNL.N1 | Quản trị nhân lực     | Quản trị nhân lực     | số 800/QĐ-ĐHTM ngày 10/05/2024                                   | 07/06/2024  |         |
| 55 | Hoàng Hải Yến        | 22BM0404020 | 036185002868 | Nam Định    | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 16/10/1985            | CH28BQTNL.N1 | Quản trị nhân lực     | Quản trị nhân lực     | số 1103/QĐ-ĐHTM ngày 27/06/2024                                  | 10/07/2024  |         |
| 56 | Nguyễn Hùng Anh      | 23AM0404001 | 00109125576  | Tuyên Quang | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 13/05/1991            | CH29AQTNL.N1 | Quản trị nhân lực     | Quản trị nhân lực     | số 1995/QĐ-ĐHTM ngày 05/11/2024                                  | 22/11/2024  |         |
| 57 | Phạm Thị Hạnh        | 23BM0404009 | 034186013831 | Hung Yên    | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 18/02/1986            | CH29BQTNL.N1 | Quản trị nhân lực     | Quản trị nhân lực     | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 09/06/2025  |         |

| TT | Họ và tên học viên | Mã CHV      | CMND/CCCD    | Nơi sinh | Giới tính | Dân tộc | Quốc tịch | Ngày, tháng, năm sinh | Lớp          | Ngành đào tạo     | Chuyên ngành đào tạo | Quyết định thành lập hội đồng đánh giá luận văn/đề án tốt nghiệp | Ngày bảo vệ | Ghi chú |
|----|--------------------|-------------|--------------|----------|-----------|---------|-----------|-----------------------|--------------|-------------------|----------------------|------------------------------------------------------------------|-------------|---------|
| 58 | Hoàng Thị Hiền     | 23BM0404011 | 001193041506 | Hà Nội   | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 13/05/1993            | CH29BQTNL.N1 | Quản trị nhân lực | Quản trị nhân lực    | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 10/06/2025  |         |

Hà Nội, ngày 03 tháng 10 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

PGS, TS Nguyễn Hoàng

DANH SÁCH DỰ KIẾN CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG THẠC SĨ ĐỢT 4 NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHTM, ngày tháng năm của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

Hình thức đào tạo: Vừa làm vừa học

| TT | Họ và tên học viên  | Mã CHV      | CMND/CCCD    | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc | Quốc tịch | Ngày, tháng, năm sinh | Lớp          | Ngành đào tạo         | Chuyên ngành đào tạo | Quyết định thành lập hội đồng đánh giá luận văn/đề án tốt nghiệp | Ngày bảo vệ | Ghi chú |
|----|---------------------|-------------|--------------|------------|-----------|---------|-----------|-----------------------|--------------|-----------------------|----------------------|------------------------------------------------------------------|-------------|---------|
| 1  | Phùng Văn Huy       | 22AM0110046 | 168117807    | Hà nam     | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 19/09/1983            | CH28AQLKT.N2 | Quản lý kinh tế       | Quản lý kinh tế      | số 28/QĐ-ĐHTM ngày 05/01/2024                                    | 23/02/2024  |         |
| 2  | Trần Quốc Chính     | 22AM0110060 | 030086006625 | Hải Dương  | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 17/10/1986            | CH28AQLKT.N3 | Quản lý kinh tế       | Quản lý kinh tế      | số 28/QĐ-ĐHTM ngày 05/01/2024                                    | 27/02/2024  |         |
| 3  | Nguyễn Như Hoàn     | 22AM0110099 |              | Quảng Ninh | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 07/01/1985            | CH28AQLKT.N4 | Quản lý kinh tế       | Quản lý kinh tế      | số 28/QĐ-ĐHTM ngày 05/01/2024                                    | 23/02/2024  |         |
| 4  | Nguyễn Thị Thu Thảo | 22AM0121018 | 3119806944   | Hải phòng  | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 28/11/1998            | CH28AMTM.N1  | Kinh doanh thương mại | Marketing thương mại | số 800/QĐ-ĐHTM ngày 10/05/2024                                   | 12/06/2024  |         |

Hà Nội, ngày 03 tháng 10 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

PGS, TS Nguyễn Hoàng